

Số: 285/TB-UBND

Phấn Mễ, ngày 10 tháng 4 năm 2024

THÔNG BÁO

Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán ngân sách xã Quý I năm 2024

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định về Quản lý ngân sách và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.

Căn cứ Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND huyện Phú Lương về việc giao Dự toán ngân sách huyện Phú Lương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân xã Phấn Mễ khoá XX kỳ họp thứ 7 về việc thông qua Dự toán thu - chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã Phấn Mễ về việc Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024;

UBND xã Phấn Mễ thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán ngân sách xã Quý I năm 2024. như sau:

1. Hồ sơ niêm yết công khai:

- Thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách quý I năm 2024;
- Biểu 113 - Cân đối ngân sách xã quý I năm 2024.
- Biểu 114 - Ước thực hiện thu ngân sách xã quý I năm 2024
- Biểu 115 - Ước thực hiện chi ngân sách xã quý I năm 2024

2. Hình thức, thời gian công khai:

- Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã trong thời gian 30 ngày kể từ ngày Thông báo;

- Thông báo trên hệ thống truyền thanh.
- Công khai trên trang thông tin điện tử của xã.

Trên đây là Thông báo của UBND xã Phần Mễ về việc công bố công khai Biểu số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách quý I năm 2024./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- MTTQ, các tổ chức CT - XH
- Lưu VP, KT.



Đoàn Minh Phúc



THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý I năm 2024

(Kèm theo Thông báo số: TB-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của UBND xã Phan Mỹ)

1. Tình hình thực hiện thu ngân sách quý I năm 2024

- Thu ngân sách trên địa bàn: 312.291.650 đồng đạt 120% kế hoạch quý, đạt 30% kế hoạch năm, cụ thể:

+ Phí, lệ phí	:	11.386.000đ.
+ Thu khác	:	48.000.000đ.
+ Thuế GTGT	:	53.496.816đ.
+ Thuế TNCN từ SXKD	:	32.468.296đ.
+ Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS:		95.010.400đ.
+ Thuế PNN	:	4.164.540đ.
+ Lệ phí trước bạ	:	26.465.598đ.
+ Lệ phí môn bài	:	41.300.000đ.

- Thu điều tiết ngân sách xã: 231.530.067 đồng đạt 120% kế hoạch quý, đạt 30 kế hoạch năm, cụ thể:

+ Phí, lệ phí	:	11.386.000đ.
+ Thu khác	:	48.000.000đ.
+ Thuế GTGT	:	51.356.944đ.
+ Thuế TNSN từ SXKD	:	15.584.784đ.
+ Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS:		45.604.998đ.
+ Thuế PNN	:	4.164.540đ.
+ Lệ phí trước bạ	:	13.232.801đ.
+ Thuế tài nguyên	:	900.000đ.
+ Lệ phí môn bài	:	41.300.000đ.

- Tổng thu ngân sách xã: 2.728.407.460 đồng đạt 127% kế hoạch quý, đạt 32% kế hoạch năm, trong đó

- Thu điều tiết:	:	231.530.067đ.
- Thu bổ sung NS từ cấp trên	:	2.343.900.000đ.
Trong đó: + Bổ sung cân đối NS	:	1.800.000.000đ.
+ Bổ sung có mục tiêu	:	543.900.000đ.
- Thu chuyển nguồn	:	152.977.393đ.

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách quý I năm 2024:

Tổng số chi: 1.834.448.263đ đạt 86% kế hoạch quý, đạt 21% kế hoạch năm, trong đó:

- Chi thường xuyên: 1.834.448.263đ đạt 87% kế hoạch quý, đạt 22% kế hoạch năm.



3. Đánh giá tình hình thực hiện:

- Trên cơ sở dự toán được giao, ngay từ đầu năm, UBND tích cực chỉ đạo và giao chỉ tiêu thu ngân sách đến từng bộ phận ngành, các bộ phận chuyên môn của UBND xã, phối hợp với cán bộ thuế phụ trách địa bàn thực hiện thu nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước để cùng với nguồn ngân sách được cấp bổ sung từ cấp trên thực hiện cân đối, sắp xếp các nhiệm vụ chi theo dự toán. Đến hết quý I thu ngân sách đảm bảo tiến độ thu theo kế hoạch và phân đấu trong quý tiếp theo tiếp tục duy trì công tác phối hợp thu đảm bảo kế hoạch giao.

- Các nhiệm vụ chi đã được kiểm soát, điều hành chi trong phạm vi dự toán được giao, được theo dõi và kiểm soát chi qua Kho bạc nhà nước đảm bảo các tiến độ, nhiệm vụ chi theo quy định hiện hành, cơ bản đã đáp ứng được các yêu cầu, nhiệm vụ đề ra.

- Trong quý I không phát sinh các nhiệm vụ về đầu tư XD CB, UBND xã tập trung đối với nhiệm vụ thiết lập hồ sơ, dự toán để trình phòng chuyên môn cấp trên thẩm định đối với các công trình đường bê tông sử dụng vốn xi măng, nhân dân đối ứng, công trình khởi công mới trong năm 2024.





CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	8.576.000.000	2.728.407.460	31,81
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	265.000.000	59.386.000	22,41
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	505.000.000	172.144.067	34,09
3	Thu bổ sung	7.806.000.000	2.343.900.000	30,03
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.993.000.000	1.800.000.000	30,04
	- Bổ sung có mục tiêu	1.813.000.000	543.900.000	30
4	Thu chuyển nguồn		152.977.393	
II	TỔNG SỐ CHI	8.611.000.000	1.834.448.263	21,3
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	8.441.000.000	1.834.448.263	21,73
3	Dự phòng	170.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	8.850.000.000	8.576.000.000	2.809.169.043	2.728.407.460	32	32
I	Các khoản thu 100%	265.000.000	265.000.000	59.386.000	59.386.000	22	22
1	Phí, lệ phí	60.000.000	60.000.000	11.386.000	11.386.000	19	19
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			16.000.000	16.000.000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	205.000.000	205.000.000	32.000.000	32.000.000	16	16
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	779.000.000	505.000.000	252.905.650	172.144.067	32	34
1	Các khoản thu phân chia	120.000.000	82.500.000	71.930.138	58.697.341	60	71
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000.000	5.000.000	4.164.540	4.164.540	83	83
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	40.000.000	40.000.000	41.300.000	41.300.000	103	103
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	75.000.000	37.500.000	26.465.598	13.232.801	35	35
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	659.000.000	422.500.000	180.975.512	113.446.726	27	27
2.1	Thu tiền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						



2.3	Thuế tài nguyên				900.000		
2.4	Thuế giá trị gia tăng	220.000.000	211.000.000	53.496.816	51.356.944	24	24
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	439.000.000	211.500.000	127.478.696	61.189.782	29	29
2.6.1	Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương tiền công						
2.6.2	Thuế thu nhập cá nhân từ SX chuyển nhượng đất	314.000.000	151.500.000	95.010.400	45.604.998	30	30
2.6.3	Thuế thu nhập cá nhân từ SX KD	125.000.000	60.000.000	32.468.296	15.584.784	26	26
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			152.977.393	152.977.393		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.806.000.000	7.806.000.000	2.343.900.000	2.343.900.000	30	30
1	Thu bổ sung cân đối	5.993.000.000	5.993.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	30	30
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.813.000.000	1.813.000.000	543.900.000	543.900.000	30	30





ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2024

Đơn vị: đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ 7 = 4/1	XDCB 8 = 5/2	TX 9 = 6/3
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	8.576.000.000		8.576.000.000	1.834.448.263		1.834.448.263	21		21
	Trong đó:									
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.205.667.000		1.205.667.000	300.366.553		300.366.553	25		25
11	Chi dân quân tự vệ	636.947.000		636.947.000	137.527.153		137.527.153	22		22
12	Chi trật tự an toàn xã hội	568.720.000		568.720.000	162.839.400		162.839.400	29		29
2	Chi giáo dục									
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4	Chi y tế									
5	Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	12.000.000		12.000.000	34		34
6	Chi phát thanh, truyền thanh									
7	Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	1.500.000		1.500.000	6		6
8	Chi bảo vệ môi trường									
9	Chi các hoạt động kinh tế	35.000.000		35.000.000						
9.1	Giao thông	35.000.000		35.000.000						
.	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
9.3	Thị chính									
9.4	Thương mại, du lịch									
9.5	Các hoạt động kinh tế khác									



10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.785.175.000		6.785.175.000	1.406.868.710		1.406.868.710	21		21
10.1	Hội đồng nhân dân	489.071.000		489.071.000	73.566.900		73.566.900	15		15
	Trong đó: Quỹ lương				919.027.220		919.027.220			
10.2	Quản lý Nhà nước	3.654.437.000		3.654.437.000	743.990.320		743.990.320	20		20
10.3	Đảng Cộng sản Việt Nam	1.284.670.000		1.284.670.000	301.396.040		301.396.040	23		23
10.4	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	756.528.000		756.528.000	148.431.800		148.431.800	20		20
10.5	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	154.482.000		154.482.000	33.963.300		33.963.300	22		22
10.6	Hội Liên hiệp Phụ nữ	158.119.000		158.119.000	36.591.750		36.591.750	23		23
10.7	Hội Cựu chiến binh	140.262.000		140.262.000	34.965.300		34.965.300	25		25
10.8	Hội Nông dân	147.606.000		147.606.000	33.963.300		33.963.300	23		23
10.9	Chi hỗ trợ khác (nếu có)									
11	Chi cho công tác xã hội	92.972.000		92.972.000	12.243.000		12.243.000	13		13
11.1	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	72.972.000		72.972.000	12.243.000		12.243.000	17		17
11.2	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
11.3	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	20.000.000		20.000.000						
11.4	Trợ cấp xã hội									
11.5	Chi khác									
15	Hội khuyến học	20.440.000		20.440.000	4.860.000		4.860.000	24		24
16	Hội người cao tuổi	101.410.000		101.410.000	79.870.000		79.870.000	79		79
17	Hội chữ thập đỏ	39.016.000		39.016.000	7.020.000		7.020.000	18		18
18	Hội đặc thù khác	66.320.000		66.320.000	9.720.000		9.720.000	15		15
19	Dự phòng, tiết kiệm chi	170.000.000		170.000.000						
20	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
21	Nộp trả ngân sách cấp trên									



BIÊN BẢN

**Xác nhận niêm yết Công khai số liệu và thuyết minh
tình hình thực hiện Dự toán ngân sách quý I năm 2024**

Hôm nay, hồi 8 giờ 00 ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại UBND xã Phấn Mễ thành phần gồm có:

- 1/ Ông: Đoàn Minh Phúc - Chủ tịch UBND xã
- 2/ Bà: Nguyễn Thị Thu Hương- Công chức TC - KT xã
- 3/ Bà: Lương Thị Khuyên - Công chức Văn phòng - TK
- 4/ Ông: Phạm Văn Đông - Chủ tịch UBMTTQ xã
- 5/ Bà: Vũ Thị Bích Thùy - Ban KT- XH HĐND xã

*/ **Nội dung:** Xác nhận niêm yết Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2024; Công khai tình hình thực hiện Dự toán ngân sách

- Nội dung niêm yết:

1. Quyết định công khai và Biểu công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2024;

2 Biểu số 113 - Cân đối ngân sách quý 1 năm 2024.

3. Biểu số 114 - Ước thực hiện thu ngân sách quý 1 năm 2024.

4. Biểu số 115 - Ước thực hiện chi ngân sách quý 1 năm 2024.

- Thời gian niêm yết 30 ngày;

+ Bắt đầu kể từ ngày: 11/4/2024 đến hết ngày 10/5/2024

- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại trụ sở UBND xã Phấn Mễ

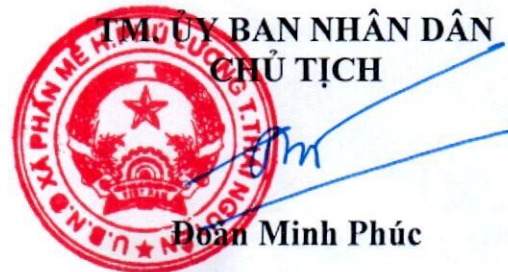
Biên bản lập xong hồi 8 giờ 15 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

Lương Thị Khuyên

**Ban KT-XH HĐND xã
Trưởng ban**

Vũ Thị Bích Thùy



**ỦY BAN MTTQ xã
Chủ tịch**

Phạm Văn Đông

Kế toán

Nguyễn Thị Thu Hương